

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 66/2025/LĐ-ST
Ngày: 17 – 4 – 2025
V/v “Vô hiệu hợp đồng lao động
và điều chỉnh sổ bảo hiểm xã hội”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vụ

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Võ Thị Kiều Loan;
- Bà Nguyễn Thị Rạt.

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Như Ý – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Mai – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 176/2024/TLST – LĐ ngày 14 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động và điều chỉnh sổ bảo hiểm xã hội*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2025/QĐXXST – LĐ ngày 28 tháng 02 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 38/2025/QĐST-LĐ ngày 27 tháng 3 năm 2025 giữa:

1. **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Lệ T, sinh năm 1992; Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Bạch T1, sinh năm 1956.

Địa chỉ: số A khu phố B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

2. **Bị đơn:** Công ty trách nhiệm hữu hạn S1.

Địa chỉ trụ sở: Ấp E, xã L, huyện B, tỉnh Long An.

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Võ Thị Yến N, sinh năm 1995; Địa chỉ: Ấp F, xã T, huyện B, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn M, sinh năm 1952.

Địa chỉ: số A khu phố B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

- Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An.

Địa chỉ trụ sở: Số H T tránh, phường D, thành phố T, tỉnh Long An.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần S, chức vụ: Giám đốc
(Bị đơn vắng mặt, các đương sự còn lại có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 5 năm 2024 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 06 tháng 01 năm 2025, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lệ T do bà Nguyễn Thị Bạch T1 đại diện trình bày:

Từ tháng 01/2009 đến tháng 10/2022, bà Nguyễn Thị Lệ T làm việc tại Công ty cổ phần D, bà có tham gia bảo hiểm với sổ bảo hiểm xã hội số 8009000296.

Do bản thân không am hiểu về pháp luật và muốn giúp đỡ bà Võ Thị Yến N có thể đi làm tạo thu nhập lo cho gia đình, nên bà đã cho bà N mượn giấy chứng minh nhân dân để bà N đi làm tại Công ty TNHH S1 trong khoảng thời gian từ tháng 7/2011 đến tháng 3/2013. Khi bà N mang tên bà T làm việc tại Công ty TNHH S1 thì bà N cũng tham gia bảo hiểm mang tên Nguyễn Thị Lệ T với sổ bảo hiểm xã hội số 8011022710.

Việc bà cho bà N mượn giấy chứng minh nhân dân là không đúng quy định pháp luật và người thực hiện hợp đồng lao động với Công ty TNHH S1 không phải do bản thân bà T thực hiện. Hiện nay tồn tại hai sổ bảo hiểm xã hội số 8009000296 và số 8011022710 cùng mang tên là Nguyễn Thị Lệ T nên bà T không thể thực hiện việc chốt sổ bảo hiểm được.

Do đó bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1/ Vô hiệu hợp đồng lao động được ký kết giữa bà Nguyễn Thị Lệ T (do bà Võ Thị Yến N làm việc) với Công ty TNHH S1 trong khoảng thời gian từ tháng 7/2011 đến tháng 3/2013;

2/ Điều chỉnh tên Nguyễn Thị Lệ T trên sổ bảo hiểm xã hội số 8011022710 thành tên Võ Thị Yến N.

Bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn S1 vắng mặt không có văn bản trình bày ý kiến.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Yến N do ông Trần Văn M đại diện có văn bản trình bày: Ông M xác định bà N có mượn giấy chứng minh nhân dân của bà Nguyễn Thị Lệ T để vào làm việc tại Công ty TNHH S1 từ tháng 7/2011 đến tháng 3/2013 và có tham gia bảo hiểm xã hội với sổ bảo hiểm số 8011022710. Bà N chưa hưởng chế độ BHXH một lần và trợ cấp thất nghiệp với thời gian tham gia BHXH, BHTN nêu trên. Bà N thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà T và đề nghị giải quyết theo qui định pháp luật, ông M có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội tỉnh L trình bày:

Căn cứ vào hồ sơ, dữ liệu quản lý thu, sổ, thẻ và chính sách BHXH, bảo hiểm y tế, BHTN, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, Bảo hiểm xã hội tỉnh L xác định Công ty TNHH S1 có tham gia bảo hiểm cho bà Nguyễn Thị Lệ T từ tháng 7/2011 đến tháng 3/2013 với sổ bảo hiểm số 8011022710. Bà T chưa hưởng chế độ BHXH một lần và trợ cấp thất nghiệp với thời gian tham gia BHXH, BHTN nêu trên.

Đối với trường hợp mượn hồ sơ của người khác để ký hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc và tham gia BHXH, BHTN và BHYT, thực hiện công văn số 1767/LĐTBXH-BHXH ngày 31/5/2022 của Bộ L1, căn cứ vào bản án đã có hiệu lực của Tòa án, BHXH tỉnh L thực hiện theo nội dung Thông báo số 357/TB-TA ngày 17/4/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An và đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng của vụ án.

Quan điểm Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Về trình tự thủ tục đảm bảo theo quy định của tố tụng trong việc thu thập chứng cứ, xác minh. Tòa án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ và quyền hạn. Các bên đương sự thực hiện đúng tố tụng về quyền và nghĩa vụ.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lệ T về việc vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị Lệ T (do bà Võ Thị Yến N thực hiện) với Công ty TNHH S1 từ tháng 7/2011 đến tháng 3/2013; Điều chỉnh tên Nguyễn Thị Lệ T trên sổ bảo hiểm xã hội số 8011022710 thành tên Võ Thị Yến N. Bởi vì thực tế bà Nguyễn Thị Lệ T không phải là người lao động mà bà Võ Thị Yến N mới là người lao động tại Công ty TNHH S1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật cần giải quyết: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Lệ T nêu trên, Hội đồng xét xử thấy quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án là: “*Tranh chấp yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động và điều chỉnh tên trên sổ bảo hiểm xã hội*” vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 32 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Công ty TNHH S1 có trụ sở tại xã L, huyện B, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2]. Về tư cách tố tụng, thời hiệu và phạm vi giải quyết.

Bà Nguyễn Thị Lệ T là người khởi kiện được xác định là nguyên đơn, Công ty TNHH S1 là người bị kiện được xác định là bị đơn. Bà Võ Thị Yến N

và Bảo hiểm xã hội tỉnh L được xác định là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Thời hiệu khởi kiện: Bà Nguyễn Thị Lệ T khởi kiện Công ty trách nhiệm hữu hạn S1 vì cho rằng quyền lợi bị xâm phạm do hợp đồng giả tạo nên bà T có quyền khởi kiện theo quy định tại Điều 190 Bộ luật lao động năm 2019, Điều 184 và Điều 186 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.3]. Chứng cứ, nghĩa vụ chứng minh và luật áp dụng.

Quá trình tố tụng: Chứng cứ bà Nguyễn Thị Lệ T có nộp sổ BHXH số 8009000296, số 8011022710 và bản quá trình đóng bảo hiểm xã hội.

Tòa án xét xử trên cơ sở chứng cứ do người khởi kiện cung cấp và chứng cứ do Tòa án thu thập khi thấy cần thiết theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bộ luật Lao động để áp dụng giải quyết tranh chấp: Thời điểm giải quyết tranh chấp thì Bộ luật Lao động năm 2019 và Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đang có hiệu lực pháp luật nên được áp dụng.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về hợp đồng lao động: Bà Nguyễn Thị Lệ T khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được giao kết giữa bà Võ Thị Yến N do bà N là người trực tiếp lao động với Công ty TNHH S1 là vô hiệu. Tuy nhiên bà T không cung cấp được hợp đồng lao động do bị thất lạc. Căn cứ vào Bảo hiểm xã hội tỉnh L xác định Công ty TNHH S1 có tham gia bảo hiểm cho bà Nguyễn Thị Lệ T từ tháng 7/2011 đến tháng 3/2013 với sổ bảo hiểm số 8011022710 nên có căn cứ xác định giữa bà Nguyễn Thị Lệ T với Công ty TNHH S1 có giao kết hợp đồng lao động, thời hạn hợp đồng từ tháng 7/2011 đến tháng 3/2013.

[2.2]. Xét thấy, bà Nguyễn Thị Lệ T có cho bà Võ Thị Yến N mượn chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị Lệ T để xác lập hợp đồng lao động và trực tiếp tham gia lao động, đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 7/2011 đến tháng 3/2013 tại Công ty TNHH S1 theo sổ BHXH số 8011022710. Trong khi đó bà Nguyễn Thị Lệ T cũng tham gia lao động tại Công ty cổ phần D, bà T có tham gia bảo hiểm với sổ bảo hiểm xã hội số 8009000296.

Như vậy có căn cứ xác định trong khoảng thời gian từ tháng 7/2011 đến tháng 3/2013 thì người mang tên Nguyễn Thị Lệ T cùng lúc tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH S1 và Công ty cổ phần D.

Do đó, việc bà Võ Thị Yến N tham gia trực tiếp lao động với Công ty TNHH S1 nhưng ký hợp đồng lao động với tên người lao động là Nguyễn Thị Lệ T là vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 30 Bộ luật Lao động năm 1994 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2002, 2006, 2007), vi phạm nguyên tắc “trung thực” theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ Luật Lao động, vi phạm các hành vi bị cấm như gian lận, giả mạo hồ sơ trong việc thực hiện BHXH,

BHTN theo quy định tại khoản 4 Điều 17 của Luật BHXH số 58/2014/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2014 nên có cơ sở xác định hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị Lệ T với Công ty TNHH S1 là không có hiệu lực.

Từ các nhận định nêu trên, xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Lệ T là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2.2]. Về hậu quả của hợp đồng lao động bị vô hiệu: Do hợp đồng lao động bị vô hiệu nên sẽ điều chỉnh tên Nguyễn Thị Lệ T trên sổ bảo hiểm xã hội số 8011022710 trong giai đoạn từ tháng 7/2011 đến tháng 3/2013 tại Công ty TNHH S1 thành tên Võ Thị Yến N.

[3]. Bà Võ Thị Yến N, Công ty TNHH S1 không có tranh chấp gì trong vụ án nên không đề cập xem xét.

[4]. Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa tham gia phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về án phí: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Lệ T tự nguyện chịu án phí lao động sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, Điều 32, Điều 35, Điều 39, Điều 68, Điều 184, Điều 186, Điều 91, Điều 93, Điều 97, Điều 147, Điều 195, Điều 196, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 15; Điều 49, Điều 50, Điều 51 và Điều 190 Bộ Luật Lao động năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Lệ T về việc: “*Tranh chấp yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động và điều chỉnh tên trên sổ bảo hiểm xã hội*” với Công ty TNHH S1.

1.1. Vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị Lệ T (do bà Võ Thị Yến N là người trực tiếp lao động) với Công ty TNHH S1 từ tháng 7/2011 đến tháng 3/2013;

1.2. Điều chỉnh tên Nguyễn Thị Lệ T trên sổ bảo hiểm số 8011022710 thành tên Võ Thị Yến N.

Bà Nguyễn Thị Lệ T và bà Võ Thị Yến N được quyền liên hệ cơ quan bảo hiểm xã hội tỉnh L để điều chỉnh tên trên sổ bảo hiểm xã hội số 8011022710 từ tên Nguyễn Thị Lệ T sang tên Võ Thị Yến N.

2. Về án phí lao động sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Lệ T tự nguyện chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí lao động sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà nước, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005920 ngày **09/10/2024** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Bà T đã nộp đủ tiền án phí lao động sơ thẩm.

3. Án xử sơ thẩm công khai, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) kể từ ngày được Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Vụ

